TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 11-9- 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim Trang.

2/ Ông Đặng Văn Minh.

- ***Thư ký Tòa án:*** Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 190/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017. Về:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 04/8/2017; Quyết định Hoãn phiên tòa số 68/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị K Thị P - Sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh K Văn N – Sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ , huyện H , tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2017 và tại bản khai, nguyên đơn chị K Thị P trình bày: Chị với anh K Văn N cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu hơn 4 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng tạo lập cuộc sống riêng tại xã Đ . Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường đi sớm về khuya, đi làm về không đưa tiền cho chị mà còn

gây sự đánh đập chị. Đến năm 2014 thì anh N không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình vợ con, anh bỏ đi quan hệ với người phụ nữ khác, gia đình hai bên có đứng ra giải quyết nhưng không được gì, và vợ chồng mạnh ai nấy sống từ năm 2014 cho đến nay. Nhưng trong thời gian này anh N lâu lâu trở về quậy phá đánh chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh K Văn N .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên K Phi T – sinh ngày 22/5/2005 và K Phi T1– Sinh ngày 22/3/2011. Hiện nay các con đang ở với chị P

Khi ly hôn chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh N để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh N cố tình lẫn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh N vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Chị P yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh N . Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ , huyện H . Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh K Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh N .

2/ Về nội dung: Chị K Thị P và anh K Văn N cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện H , tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày anh chị không tôn trọng, tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế cũng như tình cảm, chị P cho rằng anh N thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến gia đình vợ con, hơn nữa anh N quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng đối xử lạnh nhạt không quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và anh chị không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm

2014 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề hàn gắn. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và yêu cầu được ly hôn anh N . Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh N cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị P và anh N không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị P là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên K Phi T – sinh ngày 22/5/2005 và K Phi T1– Sinh năm 22/3/2011. Chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị P là có căn cứ, hơn nữa theo nguyện vọng của các con yêu cầu được tiếp tục ở với chị P , nên việc chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là hoàn toàn phù hợp đúng pháp luật, nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Anh K Văn N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Về tài sản và nợ: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Chị K Thị P được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới của Thủ tướng Chính phủ.

Anh K Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị K Thị P . Chị K Thị P được ly hôn anh K Văn N .

2/ Về con chung:

- Về nuôi con: Giao hai con tên K Phi T – sinh ngày 22/5/2005 và K Phi T1 – Sinh năm 22/3/2011 cho chị K Thị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét.

Anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về Án Phí: Chị K Thị P không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị P được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn trả cho chị P 300.000đ do chị P đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011921 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Anh K Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA